

CÂU BỊ ĐỘNG

(passive voice)

Câu bị động (passive voice) là dạng câu mà chủ ngữ là người hoặc vật, chịu tác động hoặc ảnh hưởng của hành động từ người, vật hoặc sự việc khác. Câu bị động có tác dụng nhấn mạnh đến đối tượng chịu tác động từ hành động đó. Lúc này, đối tượng thực hiện hành động sẽ không còn quan trọng nữa, do đó trong một số trường hợp có thể bị lược bỏ.

Công thức câu bị động thông thường:

- **Câu chủ động: Subject + Verb + Object**
- **Câu bị động: Subject + be + V-ed/p.p + by Object**

Ví dụ:

- I gave him a book = I gave a book to him.
(Dịch: Tôi tặng anh ấy một cuốn sách)
➤ He was given a book (by me).
(Dịch: Anh ấy được tặng một cuốn sách (bởi tôi).)
- Everyone loves Tom.
(Dịch: Tất cả mọi người yêu quý Tom.)
➤ Tom is loved by everyone.
(Dịch: Tom được yêu quý bởi tất cả mọi người.)

Với câu hỏi bị động, công thức chung như sau:

- **Câu chủ động: Be + S + V-ed/p.p + O?**
- **Câu bị động: Be + S + V-ed/p.p + by O?**
- Ví dụ: Has he repaired his car for hours?
(Dịch: Anh ấy đã sửa xe hơi hàng giờ đồng hồ phải không?)
➤ Has the car been repaired for hours by him?
(Dịch: Chiếc xe đã được sửa hàng giờ bởi anh ấy phải không?)
- Are you watching a romantic movie?
(Dịch: Bạn đang xem một bộ phim tình cảm phải không?)

► Is a romantic movie watched by you?

(Dịch: Có phải một bộ phim tình cảm đang được xem bởi bạn không?)

Các bước chuyển đổi câu:

Bước 1: Xác định tân ngữ trong câu (O) và đẩy lên đầu câu làm chủ ngữ (S).

Bước 2: Quan sát động từ chính (V) và xác định thì của câu.

Bước 3: Chuyển đổi động từ về dạng bị động "tobe + p.p" theo thì của câu gốc

Bước 4: Chuyển đổi chủ ngữ (S) trong câu chủ động thành tân ngữ (O), đưa về cuối câu và thêm "by" phía trước.

Tuy nhiên lưu ý 2 điểm sau:

1. Chủ ngữ là they, people, everyone, someone, anyone, ...

Nếu S - chủ ngữ trong câu chủ động là: they, people, everyone, someone, anyone, etc => thì không cần đưa vào câu bị động

Ví dụ:

- Someone stole my bike last night.
(Dịch: Bọn chúng lấy trộm xe đạp của tôi đêm qua)
► My bike was stolen last night.
(Dịch: Xe đạp của tôi đã bị lấy trộm đêm qua.)
- They have finished that exercise since last week.
(Dịch: Họ đã hoàn thành bài tập đó từ tuần trước.)
► That exercise has been finished since last week.
(Dịch: Bài tập đó đã được hoàn thành từ tuần trước.)

2. Nếu chủ ngữ là người hoặc vật

Nếu chủ ngữ là người hoặc vật thì có hai trường hợp như sau:

2.1. Trực tiếp gây ra hành động thì dùng chuyển sang bị động sẽ dùng 'by'

Ví dụ:

- She is making a cake.
(Dịch: Cô ấy đang làm một chiếc bánh.)
➤ A cake is being made by her.
(Dịch: Một chiếc bánh đang được làm bởi cô ấy.)
- My mom cleans the floor.
(Dịch: Mẹ tôi lau sàn nhà.)
➤ The floor is cleaned by my mom.
(Dịch: Sàn nhà được lau bởi mẹ tôi.)

2.2. Gián tiếp gây ra hành động thì dùng 'with'

Ví dụ:

- I open the door with a key.
(Dịch: Tôi mở cái cửa với một chiếc chìa khoá.)
➤ The door is opened with a key.
(Dịch: Cái cửa được mở bằng một chiếc chìa khoá.)

Somebody broke the window with a hammer.

(Dịch: Ai đó đã đập vỡ cửa sổ với một chiếc búa.)

➤ The window was broken with a hammer.

(Dịch: Cửa sổ đã bị đập vỡ với một chiếc búa.)

Các cấu trúc câu bị động trong tiếng anh theo thì.

Cấu trúc các câu bị động theo thì

| Phân loại theo thì (Tense) | Câu chủ động (Active) | Câu bị động (Passive) |
|----------------------------|--------------------------------------|---|
| Thì hiện tại đơn | S + V + O | S + be + V3 (+ by Sb/O) |
| Thì hiện tại tiếp diễn | S + am/ is/are + V-ing + O | S + am/ is/are + being + V3 (+ by Sb/O) |
| Thì hiện tại hoàn thành | S + have/has + V3 + O | S + have/has + been + V3 (+ by Sb/O) |
| Thì quá khứ đơn | S + V-ed + O | S + was/ were + V3 (+ by Sb/O) |
| Thì quá khứ tiếp diễn | S + was/ were + V-ing + O | S + was/ were + being + V3 (+ by Sb/O) |
| Thì quá khứ hoàn thành | S + had + V3 + O | S + had + been + V3 (+ by Sb/O) |
| Thì tương lai đơn | S + will V + O | S + will be + V3 (+ by Sb/O) |
| Thì tương lai gần | S + is/ am/ are going to + V inf + O | S + is/ am/ are going to BE + V3 (by O) |
| Tương lai tiếp diễn | S + will be + V-ing + O | S + will be + being + V3 (+ by Sb/O) |
| Thì tương lai hoàn thành | S + will have + V3 + O | S + will have + been + V3 (+ by Sb/O) |

Một số dạng đặc biệt của câu bị động trong tiếng Anh.

Cấu trúc các câu bị động đặc biệt

| Dạng đặc biệt | Câu chủ động (Active) | Câu bị động (Passive) |
|--------------------------|---|--|
| CBD với 2 tân ngữ | S + V + O1 + O2 | → TH1: S + be + VpII + O1 → TH2: S + be + VpII + giới từ + O2 |
| CBD với V + V-ing | V + somebody + V-ing | V + somebody/something + being + V(P2) |
| CBD với động từ tri giác | S + V + somebody + V-ing/to V-inf | S + to be + V(P2) + V-ing/to V-inf |
| CBD của câu mệnh lệnh | V + O! | Let + O + be + V(p2) |
| | It's one's duty to + V-inf | S + to be + supposed to + V inf |
| CBD của câu sai khiến | It's necessary to + V-inf | S + should/ must + be + P2 |
| | S + have + somebody + V | S + have + something + P2 + by sb |
| Cấu bị động kép | S + get + somebody + to-V | S + get + something + P2 |
| | Động từ chính (V1) ở thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn và hiện tại hoàn thành: S1 + V1 + that + S2 + V2 + O | It is + V1(p2) + that + S2 + V2 + O |
| Cấu bị động kép | Khi động từ chính (V1) ở thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành S1 + V1 + that + S2 + V2 + O | It was + V1(p2) + that + S2 + V2 + O |